TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2018/DS-PT Ngày: 25/10/2018 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Cà Văn Pâng.

Các thẩm phán : Ông Sùng A Xà.

Bà Nguyễn Thị Hòa.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Đặng Thị Dịu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:* Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/ DS-ST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mùa Chủ T (Mùa Dủ T) - sinh năm 1945; Địa chỉ: Bản HL, xã HN, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mùa A L2 - sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản HL, xã HN, huyện M, tỉnh Điện Biên (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2018 - có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hờ Vảng C (Hờ Ván C) - sinh năm 1968; Địa chỉ: Bản P, xã HM, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị đơn:

Ông Nguyễn Trần D - sinh năm 1951; Cộng tác viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, theo Quyết định số: 341/TTTGPL ngày 10/10/2018 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Giàng Thị K - sinh năm 1969; Địa chỉ: Bản P, xã HM, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người phiên dịch cho bà Giàng Thị K: Ông Thào A S - sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ n, phường MT, thành phố P1, tỉnh Điện Biên.

4. Những người làm chứng:

- Ông Lầu Giống C1 - sinh năm 1962

- Ông Giàng Trừ L - sinh năm 1957

- Ông Hờ Chừ C2 - sinh năm 1960

- Ông Cứ Phái C3 - sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Bản P, xã HM, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Hờ Vảng C - Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/12/2017 và trình bày của nguyên đơn ông Mùa Chủ T:***

Ông Mùa Chủ T có một đám nương tại bản P, xã HM, huyện M, tỉnh Điện Biên, do ông Lầu Giống S1 để lại cho ông từ năm 1997, việc để lại không có giấy tờ gì, ông T canh tác thường xuyên từ năm 1997 đến năm 2014. Ngày 21/10/1999 ông được UBND huyện L1 (nay là huyện M, tỉnh Điện Biên) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H; thửa số 06, tờ bản đồ tự kê khai, mục đích sử dụng làm nương rẫy, địa danh là P2, diện tích là 4.000m^2. Diện tích thực tế đang có tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 là 5.584,4m^2 (Vì lúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đến đo đạc và bàn giao trên thực địa, chỉ căn cứ vào bản tự kê khai của các hộ gia đình nên diện tích trên thực tế không đúng với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận).

Đến năm 2014 do đất bạc màu nên ông T dừng canh tác, sau đó đến năm 2016 ông C đến phát và trồng lúa trên diện tích đất đó. Tháng 2/2017 có một số hộ ở P, hợp đồng một chiếc máy xúc vào bản P để khai hoang ruộng, thì ông T cũng thuê máy xúc để san mặt bằng để chuyển diện tích đất nương thành đất ruộng nhưng đã bị ông C lại ngăn cản. Ông C cho rằng đó là đất của ông C, việc tranh chấp đã được UBND xã HM và UBND xã HN, hòa giải nhưng không thành.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải trả lại cho ông T phần diện tích đất thực tế theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 là 5.584,4m^2 thuộc thửa số 6 được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Trong đó có 4.000m^2 được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1.584,4m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2018 và trình bày của bị đơn ông Hờ Vảng C (Hờ Ván C):***

Nguồn gốc mảnh đất do cậu của ông C là ông Lầu Giống S1 (nay đã chết) khai hoang đất từ năm 1996, sau đó ông S1 chuyển đi nơi khác sinh sống và để

lại đất cho ông C canh tác, diện tích khoảng 4.000m^2, việc để lại đất không làm giấy tờ gì, chỉ có ông Lầu Giống C1 (con trai ông S1) làm chứng.

Năm 1998, ông Mùa Chủ T đến nhà mượn ông C một phần đất để canh tác, vợ chồng ông C, bà K có cho ông T mượn khoảng 2.000m^2 trong phần diện tích 4.000m^2 để canh tác khoảng 2 năm, việc cho mượn cũng không làm giấy tờ gì, chỉ có bà Hờ Thị P3 (chị gái của ông C làm chứng). Ông T canh tác đến năm 2014 thì không canh tác nữa. Sau đó ông C đi phát và trồng lúa trên diện tích đó cho đến khi xảy ra tranh chấp.

Đến tháng 3/2017, ông T thuê máy xúc về san ủi mặt bằng trên phần diện tích của ông C nên 2 bên xảy ra tranh chấp. Phần diện tích đất đang tranh chấp đã được UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00366/QSDĐ/368/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999; thuộc thửa số 01, địa danh S2, diện tích là 6.000m^2, mục đích sử dụng là nương rẫy. Phần diện tích 4.000m^2 đang tranh chấp là nằm trong phần diện tích 6.000m^2. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018, xác định phần đất thực tế đang tranh chấp có diện tích là 5.584,4m^2, ông C không nhất trí trả lại phần diện tích này cho ông T.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018, ông C cho rằng đó là phần diện tích đất của ông thuộc thửa số 01 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00366/QSDĐ/368/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999 mang tên ông Hờ Ván C, địa danh là S2, tổng diện tích là 18.121,1m^2 (trong đó có 5.584,4m^2 đang tranh chấp với ông T).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C khai ông C cho ông T mượn đất từ năm 1999 đến năm 2002 thì ông T đã trả lại đất, từ năm 2003 đến năm 2016 không có ai canh tác trên mảnh đất đó, đến năm 2016 ông C mới vào canh tác, năm 1999 ông T được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với mảnh đất này nhưng ông C không biết, đến năm 2007 ông mới biết nhưng ông C đã không có ý kiến gì.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị K trình bày:***

Bà K là vợ ông Hờ Vảng C, bà thống nhất theo ý kiến trình bày của ông C, không có ý kiến bổ sung thêm. Giao toàn quyền cho ông C tham gia giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc vụ án.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2018 của người làm chứng ông Lầu Giống C1 trình bày:***

Ông C1 là cháu ruột của ông C, theo ông C1 nguồn gốc đất là do ông Lầu Giống S1 (nay đã chết) là bố của ông C1 cho ông C làm từ năm 1996 (việc cho không có giấy tờ gì). Đến năm 1999 ông C cho ông T mượn (việc cho mượn không làm giấy tờ gì), thời gian cho mượn bao lâu ông C1 không được biết.

* ***Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 của người làm chứng ông Giàng Trừ L trình bày:***

Ông L là người sống cùng bản với ông T và ông C từ năm 1997, theo ông L vì ông có diện tích đất nương cùng khu với diện tích đất ông C và ông T làm

nên ông L biết diện tích mà ông T và ông C đang tranh chấp là do ông T làm từ năm 1997 đến năm 2014. Đến năm 2016 cho đến nay thì lại thấy ông C làm. Theo ông L diện tích đất đang tranh chấp gọi là P (P2) hay S2 đều đúng vì P là tên gọi chung từ xưa, còn S2 là tên gọi theo khu.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 của người làm chứng ông Hờ Chừ C2 trình bày:*

Ông C2 là người sống cùng bản với ông T và ông C từ năm 1995, theo ông C2 vì ông có diện tích đất nương liền kề với ông C nên ông C2 biết diện tích mà ông T và ông C đang tranh chấp là do ông T làm từ năm 1997. Còn từ năm 2012 cho đến nay ông C2 không còn làm diện tích liền kề ông C nên ông không biết còn có ai làm diện tích đó nữa không. Theo ông C2 diện tích đất đang tranh chấp gọi là P (P2) hay S2 đều đúng vì P2 là tên gọi chung từ xưa, còn S2 là tên gọi theo khu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 của người làm chứng ông Cứ Phái C3 trình bày:

Ông C3 là người sống cùng bản với ông T và ông C từ năm 1995, theo ông C3 năm 1995 ông di cư từ T1 về sinh sống tại P2 và làm nương ở khu đất ông T và ông C đang tranh chấp nên ông biết diện tích mà ông T và ông C đang tranh chấp là do ông T làm từ năm 1997 cho đến lúc bị ông C tranh chấp. Theo ông C3 diện tích đất đang tranh chấp gọi là P (P2) hay S2 đều đúng vì P2 là tên gọi chung từ xưa, còn S2 là tên gọi theo khu.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hờ Vảng C trình bày:*

Mảnh đất tranh chấp được ông Lầu Giống S1 (nay đã chết) khai hoang và cho ông Hờ Vảng C từ năm 1996, không lập giấy tờ thỏa thuận gì, chỉ có ông Lầu Giống C1 con trai ông S1 chứng kiến. Năm 1998, ông Mùa Chủ T đến nhà ông C để mượn đất với diện tích là 2.000m^2, việc cho mượn đất không có giấy tờ. Trong thời gian mượn đất của ông C để canh tác, ông T đã đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích 4.000m^2, mặc dù ông T chỉ mượn 2.000m^2.

Năm 1999 thì ông T đăng ký quyền sử dụng đất và ông C không hề hay biết. Ngày 22/3/2018 Tòa án đã xem xét thẩm định, tại chỗ diện tích mảnh đất đang tranh chấp thuộc thửa số 01 mang tên ông Hờ Ván C, đo được 18.121,1m^2. Như vậy diện tích đất đo thực tế chênh lệch là do không đo đạc khi kê khai cấp đất. Phần diện tích 1.584,4m^2 không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không do khai hoang, mở rộng diện tích mà tăng do đo đạc trên thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 101 Luật đất đai 2013, Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết luật đất đai để quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:***

Việc ông T khởi kiện yêu cầu ông C trả lại diện tích 4000m^2 (thực tế đo theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 22/3/2018 là 5.584,4m^2, tại thửa số 6, thuộc địa phận P2 (P) nằm trong giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất mang tên Mùa Chủ T là có căn cứ. Vì vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất ruộng đang tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện M quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 16 Điều 3, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Mùa Chủ T.

2. Buộc ông Hờ Vảng C trả cho ông Mùa Chủ T tổng diện tích đất tại thửa số 06, số tờ bản đồ tự kê khai, mục đích sử dụng làm nương rẫy, tại địa danh "P2", được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H do UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp ngày 21/10/1999, mang tên Mùa Dủ T (Mùa Chủ T) theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 là 5.584,4m^2 mà ông C đang sử dụng.

3. Ông Mùa Chủ T được quyền quản lý sử dụng tổng diện tích đất thực tế đo được 5.584,4m^2 mà ông C đang quản lý sử dụng theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 (Trong đó diện tích 4000m^2 đất tại thửa số 06, tờ bản đồ tự kê khai, mục đích sử dụng làm nương rẫy, tại địa danh là P2, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H do UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp ngày 21/10/1999 mang tên Mùa Dủ T (Mùa Chủ T) và diện tích đất thừa là 1.584,4m^2 ông T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký phần diện tích đất thừa 1.584,4m^2 tại thửa số 06 địa phận P2 (P), xã HM, huyện M, tỉnh Điện Biên, cụ thể vị trí tiếp giáp:

Phía Tây, phía Bắc: Giáp đất ông Hờ Vảng C, dài 132,920m.

Phía Đông: Giáp khe suối dài 28m.

Phía Nam : Giáp khe suối dài 244,350m.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hờ Vảng C. Hoàn trả lại cho ông Mùa Chủ T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số: AB/2010/00310 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên.

5. Về chi phí thẩm định: Tổng toàn bộ các khoản chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 là 2.400.000 đồng, nhưng ông T tự nguyện chịu 900.000 đồng và được khấu trừ số tiền tạm ứng ông đã nộp ngày 14/2/2018 là 2.000.000 đồng (2.000.000 đồng - 900.0000 đồng = 1.100.000 đồng).

Buộc ông C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí 1.500.000 đồng đã nộp ngày 14/02/2018.

Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng đã nộp là 1.100.000 đồng.

Ngoài ra, bản án có tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2018, bị đơn ông Hờ Vảng C làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Lý do kháng cáo: Ông Hờ Vảng C cho rằng phần diện tích đất đang tranh chấp nằm trong thửa số 01 có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00366/QSDĐ/368/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999 do UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp mang tên Hờ Ván C; Địa danh S2, diện tích 6000m^2. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng số diện tích 5.584,4m^2 đang tranh chấp không nằm trong phần diện tích 6000m^2 đất của ông C và xác định địa danh phần diện tích đang tranh chấp theo UBND xã HN và xã HM đều cho rằng địa danh P2 và S2 là chỉ là cách gọi khác nhau, nhưng thực tế thì địa danh P2 là tên gọi chung của bản còn địa danh S2 là tên gọi riêng khu đất đang tranh chấp. Nay ông C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại địa danh khu đất đang tranh chấp và yêu cầu ông T trả lại 5.584,4m^2 đất cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của của mình. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa số 01 của ông Hờ Vảng C (Hờ Ván C) không cùng với diện tích tranh chấp của ông Mùa Chủ T, do đó nội dung đơn kháng cáo của ông Hờ Ván C có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Bởi vì nguồn gốc đất thì ông C và ông T đề khai là đất do ông Lầu Giống S1 cho nhưng khi cho đều không có giấy tờ gì. Đến năm 1988 ông C cho ông T mượn 2000m^2 để canh tác, ông T sử dụng đất, ông xin đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nhưng ông C không biết. Và lời khai của các người làm chứng là chưa chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 BLTTDS:

- Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Hờ Vảng C.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện M *"Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc giải quyết nội dung vụ án: Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hờ Vảng C, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của TAND huyện M, giao cho ông Mùa chủ T được quyền quản lý sử dụng 4.000m^2 thuộc thửa đất số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999 mang tên ông Mùa Dủ T. Tạm

giao phần diện tích đất thừa 1.584,4m^2 thuộc thửa đất số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L1 (huyện M) đã cấp cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa của các bên đương sự và ý kiến của Kiểm Sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về Tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hờ Vảng C (Hờ Ván C) được gửi trong thời hạn. Ông C thuộc trường hợp người được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mùa Chủ T là ông Mùa A L2 (Có mặt); Bị đơn ông Hờ Vảng C (Có mặt); Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn (Có mặt); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị K (Có mặt); ý kiến của kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Phiên tòa đực tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2017 của ông Mùa Chủ T trình bày: Ông T có 01 đám nương tại bản P, nay thuộc xã HM, huyện M, tỉnh Điện Biên, ông canh tác thường xuyên từ năm 1997, đến năm 1999 ông T được UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999, diện tích 4.000m^2 tại thửa số 06, tờ bản đồ tự kê khai, mục đích sử dụng làm nương rẫy. Đến tháng 2/2017 khi ông T thuê máy xúc đến san ủi đám nương của ông T thì ông C đến ngăn cản và xẩy ra tranh chấp. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả lại cho ông T phần diện tích 4.000m^2 đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và phần diện tích thực tế thừa 1.584,4m^2.

Tại Bản án sơ thẩm số: 01/2018/DSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mùa Chủ T, buộc ông Hờ Vảng C phải trả lại toàn bộ phần diện tích đất thực tế đang tranh chấp 5.584,4m^2 tại khu vực P2, xã HM, huyện M, tỉnh Điện Biên cho ông T và giao cho ông T quản lý sử dụng toàn bộ diện tích 5.584,4m^2 (Trong đó có 4.000m^2 đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, còn 1.584,4m^2 chưa được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

[2.2] Xét kháng cáo của ông Hờ Vảng C (Hờ Ván C), Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy rằng:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00366/QSDĐ/368/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999 do UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp cho ông Hờ Ván C, diện tích 6.000m^2, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ tự kê khai, mục đích sử dụng làm nương rẫy, địa danh S2 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999 do UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp cho ông Mùa Chủ T, diện tích 4.000m^2, tại thửa đất số 06, tờ bản đồ tự kê khai, mục đích sử dụng làm nương rẫy, địa danh P2.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trên thực địa ngày 22/3/2018 và theo Công văn số: 05/VPĐK-QSDĐ ngày 17/5/2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, tỉnh Điện Biên, về việc cung cấp thông tin cho Tòa án thì theo ý kiến của lãnh đạo, địa chính xã HN và xã HM, xác định:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông Mùa Dủ T và ông Hờ Vảng C có ghi 2 địa danh khác nhau là P2 và S2. P2 là tên gọi từ xa xưa, còn S2 là tên mới đặt gọi theo khu, còn thực tế cùng một địa điểm là Bản P2, xã HM, huyện M.

- Đối chiếu với hồ sơ cấp đất ban đầu: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 11/9/1999 của ông Mùa Dủ T (Bút lục 15) thì Phần diện tích 4000m^2 đất của ông Mùa Dủ T, được UBND huyện M cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999; Tại thửa số 06, địa danh P2, có vị trí giáp ranh:

Phía Đông và phía Nam: Giáp khe.

Phía Tây và phía Bắc: Giáp đất ông C.

Sau khi kiểm tra đo đạc ngoài thực địa thì thửa đất số 06 có vị trí Tứ cận giáp ranh như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất ông Hờ Vảng C (Từ điểm 01 đến điểm 05 trên sơ đồ, dài 132,920m).

- Phía đông: Giáp khe suối (Từ điểm 5 đến điểm 6 trên sơ đồ, dài 28,00m).

- Phía nam: Giáp khe suối (Từ điểm 6 đến điểm 1 trên sơ đồ, dài 244,35m).

Tổng diện tích: 5.584,4m^2 đang có tranh chấp với ông C (Trong đó diện tích thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T là 1.584,4m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vị trí đất của ông T được xác định là địa danh P2).

- Đối chiếu với hồ sơ cấp đất ban đầu của ông Hờ Vảng C: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 11/9/1999 của ông C (Bút lục 96b) thì Phần diện tích 6.000m^2 đất của ông Hờ Ván C được UBND huyện M cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00366/QSDĐ/368/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999; Tại thửa đất số 01, địa danh S2, có vị trí giáp ranh:

Phía Đông và phía Tây: Giáp suối.

Phía Nam: Giáp đất ông T.

Phía Bắc: Giáp đất ông C.

Sau khi kiểm tra đo đạc ngoài thực địa theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 (Kèm theo bản Trích đo địa chính ngày 22/3/2018) thì thửa đất số 01 có vị trí tứ cận giáp ranh như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất ông Hờ Chứ C2 (Từ điểm 01 đến điểm 06 trên sơ đồ, dài 180,340m).

- Phía Đông: Giáp khe suối (Từ điểm 06 đến điểm 09 trên sơ đồ, dài 114,34m).

- Phía Nam: Giáp khe suối (Từ điểm 9 đến điểm 16, dài 153,250m).

- Phía Tây: Giáp khe suối (Từ điểm 16 đến điểm 01, dài 91,650m).

Tổng diện tích thực tế ông C đang sử dụng là 18.121,1m^2 (Trong đó: 12.536,7m^2 không tranh chấp và 5.584,4m^2 đang có tranh chấp với ông T).

Như vậy, diện tích thực tế thửa số 01 của ông C nhiều hơn so với phần diện tích 6.000m^2 đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C là 12.536,7 m^2. Thửa số 01 mang tên ông Hờ Ván C, có vị trí tứ cận tiếp giáp ranh theo hồ sơ lưu trữ kê khai đăng ký không phù hợp với thực địa, vì tại hồ sơ lưu trữ thửa đất số 01 có vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất ông C2.

- Phía Đông và Phía Tây: Giáp khe suối.

- Phía Nam: Giáp đất ông T.

Kết quả xác định trên thực địa:

Phía Bắc: Giáp đất ông C2.

Phía Đông, phía Tây và phía Nam: Đều giáp khe suối.

Vị trí đất canh tác của ông C giáp với đất của ông T tại vị trí P2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.536,7m^2 (không có tranh chấp) và vị trí đất canh tác của ông T giáp với đất ông C là 5.584,4m^2 (Trong đó phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.584,4m^2). Diện tích 5.584,4m^2 đang tranh chấp không nằm thửa số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông của ông Hờ Ván C.

Hồ sơ xin cấp đất của hộ gia đình ông Mùa Chủ T và ông Hờ Ván C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức tự kê khai đăng ký, không có sơ đồ đo đạc thể hiện diện tích cụ thể. Do đó, có sự chênh lệch diện tích giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thực địa của 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên đương sự.

Về tên địa danh cho khu vực tranh chấp: Theo ý kiến của UBND xã HN và xã HM, huyện M xác định: Tên P là đúng, vì P là tên bản từ khi chưa tách xã HM và xã HN. Còn tên S2 chỉ là địa danh sản xuất mà nhân dân (P) gọi.

Từ nhận xét trên, thấy rằng nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hờ Vảng C không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, xét thấy Bản án của Tòa án nhân huyện M, quyết định giao toàn bộ diện tích đất thực tế đang tranh chấp 5.584,4m^2 cho ông Mùa Chủ T được quyền quản lý sử dụng là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Vì phần diện tích 4.000m^2 được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Tòa án tuyên giao cho ông T được quyền quản lý sử dụng là có căn cứ; Nhưng việc giao phần diện tích 1.584,4m^2 thừa so với phần diện tích được cấp

trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T được quản lý quyền sử dụng là chưa chính xác.

Theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 có sơ đồ kèm theo và theo ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, xác định: Hiện trạng vị trí tứ cận giáp ranh phần diện tích 5.584,4m^2 đất thuộc thửa số 6, tờ bản đồ tự kê khai đứng tên ông Mùa Chủ T có các cạnh giáp ranh khác không có tranh chất khác, phần diện tích tăng thêm là do gia đình tự kê khai không đo đạc cụ thể, nên khi thẩm định thực tế đo đạc lại mới biết được diện tích thực tế. Do đó, xét thấy phần diện tích thừa 1.554,4m^2 ông T chưa thực hiện việc kê khai đăng ký và nộp thuế với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm để phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 và khoản 1,2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1, khoản 2 của Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hờ Vảng C (Hờ Ván C) về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích 5.584,4m^2 đất thuộc khu vực S2, nằm trong phần diện tích 6.000m^2 đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00366/QSDĐ/368/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999 do UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp cho ông Hờ Ván C.

1.1. Giữ nguyên một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên:

Ông Mùa Chủ T được quyền quản lý sử dụng phần diện tích 4.000m^2 đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00471/QSDĐ/358/QĐ-UB-H ngày 21/10/1999 do UBND huyện L1 (nay là huyện M) cấp cho ông Mùa Chủ T; Thuộc thửa số 06, bản đồ tự kê khai, địa danh P.

Phần diện tích đất 4.000m^2 đất nằm trong tổng diện tích đất thực tế 5.584,4m^2 có vị trí được xác định theo Biên bản Xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2018 - Kèm theo bản Trích đo địa chính khu đất ngày 22/3/2018:

Phía Bắc: Giáp đất ông Hờ Vảng C (từ điểm 01 đến điểm 05 trên sơ đồ, dài 132,920m).

Phía Đông: Giáp khe suối (từ điểm 5 đến điểm 6 trên sơ đồ, dài 28m).

Phía Nam: Giáp cạnh tiếp giáp phần diện tích đất thừa 1.584,4m^2.

1.2. Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm:

Phần diện tích đất thực tế thừa 1.584,4m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mùa Chủ T chưa thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Mùa Chủ T. Nếu ông T có yêu cầu cấp bổ sung phần diện tích đất thừa 1.584,4m^2 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T phải có trách nhiệm làm đơn đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp bổ sung về quyền sử dụng phần diện tích thừa này theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Các phần khác trong quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hờ Vảng C thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/10/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cà Văn Pâng